

Bản án số: 23/2020/DS-PT  
Ngày: 08-7-2020  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trí Chinh

*Các Thẩm phán:* Ông Ngô Văn Thắng

Trần Quang Cường

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:***  
Bà Trần Thị Hương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2020/QĐPT-DS ngày 18/6/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

- Ông Trương Phúc H; địa chỉ: Yên Lâm 3, phường C, thị xã T, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Bà Trần Thị H1; địa chỉ: Tổ 54A, khu 4B, phường X, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Luật sư Đinh Đức T - Công ty Luật TNHH H; địa chỉ: Số nhà 168, đường Nguyễn Văn Cừ, tổ 1, khu 4B, phường H, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

**2. Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên du lịch Q;

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hữu Q; địa chỉ: số 126 Huỳnh Thúc

Kháng, phường H, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 07/10/2019 tại Văn phòng công chứng L); có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- NLQ1; địa chỉ: Tổ 54A, khu 4B, phường X, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- NLQ2; địa chỉ: Yên Lâm 3, C, thị xã T, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

**4. Kháng cáo:** Nguyên đơn ông Trương Phúc H và bà Trần Thị H1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai, nguyên đơn ông Trương Phúc H và bà Trần Thị H1 trình bày:*

Ngày 15/01/2008, NLQ1 và NLQ2 ký hợp đồng góp vốn số 25/HĐGV-MQ, số 26/HĐGV-MQ và số 27/HĐGV-MQ với Xí nghiệp hợp lực Q – Quảng Ninh (nay là Công ty TNHH MTV du lịch Q gọi tắt là Công ty Q) trị giá 1.630.650.000 đồng, để NLQ1, NLQ2 nhận chuyển nhượng 05 ô đất hình thành trong tương lai tại dự án hạ tầng khu đô thị mới Ao Tiên do Công ty Q làm chủ đầu tư. Trong đó NLQ1 đã nộp 175.000.000 đồng, NLQ2 đã nộp 300.000.000 đồng.

Ngày 19/10/2017, NLQ1 và NLQ2 tự viết giấy biên nhận thỏa thuận với Công ty Q xin trả lại các hợp đồng góp vốn trên, vì không có nhu cầu sử dụng nữa. Công ty Q đã trả lại cho NLQ1, NLQ2 tổng số tiền 1.400.000.000 đồng, trong đó tiền góp vốn là 475.000.000 đồng và tiền hỗ trợ là 925.000.000 đồng. Do ông Trương Phúc H (chồng NLQ2), bà Trần Thị H1 (vợ NLQ1) không đồng ý với việc nhận lại tiền của vợ, chồng mình nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Q phải bàn giao đất cho ông bà theo cam kết trong hợp đồng (trả cho ông, bà ít nhất 01 lô đất).

*\*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Vũ Hữu Q trình bày:*

Công ty Q thừa nhận đã ký 03 hợp đồng góp vốn với NLQ1, NLQ2 như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, đến ngày 19/10/2017, NLQ1 và NLQ2 không có nhu cầu sử dụng đất nữa nên có thỏa thuận với Công ty Q xin trả lại hợp đồng góp vốn số 25, 26, 27. Do đó, Công ty đã trả lại cho NLQ1, NLQ2 số tiền góp vốn 475.000.000 đồng và tiền hỗ trợ 925.000.000 đồng, tổng cộng là 1.400.000.000 đồng. Hợp đồng góp vốn là sự thỏa thuận, bàn bạc thống nhất giữa Công ty Q với cá nhân NLQ1, NLQ2, không có điều khoản ràng buộc nào với ông H (chồng NLQ2) và bà H1 (vợ NLQ1). Đến nay, các hợp đồng đã được thanh lý nên Công ty Q không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

NLQ1 trình bày: Ngày 15/01/2008, ông ký Hợp đồng góp vốn số 25/HĐGV-MQ với Công ty Q và nộp số tiền 175.000.000 đồng để nhận 02 ô đất số 42, 43 hình thành trong tương lai tại dự án hạ tầng khu đô thị mới Ao Tiên do Công ty Q là chủ đầu tư và ký chung với NLQ2 ô số 63. Ngày 19/10/2017, ông có thỏa thuận với Công ty Q xin trả lại Hợp đồng góp vốn số 25. Công ty Q đã trả lại cho ông và NLQ2 số tiền góp vốn 475.000.000 đồng và tiền hỗ trợ là 925.000.000 đồng. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ ông là bà H1, đề nghị hủy giấy biên nhận

thanh lý hợp đồng, ông sẽ trả lại Công ty Q số tiền đã nhận và đề nghị Công ty bàn giao đất cho vợ chồng ông.

NLQ2 trình bày: Ngày 15/01/2008, bà ký hợp đồng góp vốn số 26/HĐGV-MQ và số 27/HĐGV-MQ với Công ty Q và nộp số tiền 300.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng tổng số 03 ô đất hình thành trong tương lai tại dự án hạ tầng khu đô thị mới Ao Tiên do Công ty Q làm chủ đầu tư (trong đó ô 64, 65 NLQ2 ký riêng, còn ô 63 bà chung với NLQ1). Ngày 19/10/2017, bà và NLQ1 đã thỏa thuận với Công ty Q xin trả lại hợp đồng góp vốn số 25, 26, 27, vì không có nhu cầu sử dụng nữa. Công ty đã trả lại cho NLQ2 và NLQ1 tổng số tiền góp vốn là 475.000.000 đồng và tiền hỗ trợ 925.000.000 đồng. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chồng mình là ông H vì khi ký thanh lý hợp đồng, chồng bà không ký tên và đề nghị hủy giấy biên nhận thanh lý hợp đồng.

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đinh Đức T trình bày:*

NLQ1, NLQ2 nộp tiền theo các hợp đồng góp vốn là tiền do vợ chồng vay mượn chung. Theo hợp đồng thì Công ty Q sẽ bàn giao đất và ông H, bà H1 sẽ là người được hưởng kết quả. Do Công ty Q vi phạm thời hạn hợp đồng và không điều tiết được vấn đề tài chính của gia đình nên NLQ1, NLQ2 đã đến Công ty Q thanh lý hợp đồng. Lẽ ra Công ty phải cho ông H (chồng NLQ2) và bà H1 (vợ NLQ1) cùng ký thanh lý (quyền đối với bất động sản), vì họ có quyền với tài sản chung hợp nhất của vợ chồng. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử hủy văn bản giấy biên nhận theo yêu cầu của NLQ1, NLQ2 và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Phúc H và bà Trần Thị H1. Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/3/2020, ông Trương Phúc H và bà Trần Thị H1 kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm, buộc Công ty Q bàn giao đất theo thỏa thuận tại hợp đồng góp vốn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án; Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự đều xác nhận ngoài các tài liệu, chứng cứ đã nộp cho Tòa án thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng tài sản góp vốn là tài sản sở hữu chung hợp nhất của vợ chồng. Việc NLQ1 và NLQ2 đã tự ý thanh lý hợp đồng và Công ty Q đã không làm các biện pháp để bảo đảm quyền lợi cho ông H và bà H1; căn cứ Điều 25 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm buộc Công ty Q trả lại ông H và bà H1 mỗi người một ô đất.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng trên cơ sở yêu cầu của NLQ1 và NLQ2 nên Công ty Q đã thanh lý hợp đồng, việc trả lại tiền góp vốn và

tiền hỗ trợ là xuất phát từ NLQ1 và NLQ2 chứ không phải xuất phát từ phía Công ty. Công ty đã ký hợp đồng đúng đối tượng và thanh lý hợp đồng đúng đối tượng. Việc ông H và bà H1 đề nghị hỗ trợ hai ô đất là không có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy giấy biên nhận thanh lý hợp đồng và buộc Công ty Q phải bàn giao đất theo cam kết tại các hợp đồng góp vốn là có căn cứ. Nội dung kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

#### **[1] Về tố tụng:**

Đơn kháng cáo của nguyên đơn Trương Phúc H và bà Trần Thị H1 làm trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

#### **[2] Về nội dung:**

Xét kháng cáo của ông H, bà H1 về việc buộc Công ty Q phải bàn giao đất theo thỏa thuận tại các hợp đồng góp vốn, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 15/01/2008, ông NLQ1 (chồng bà H1), NLQ2 (vợ ông H) ký 03 hợp đồng góp vốn đầu tư số 25/HĐGV-MQ, số 26/HĐGV-MQ và số 27/HĐGV-MQ với Xí nghiệp Hợp Lực Q - Quảng Ninh (nay là Công ty Q) với tổng giá trị hợp đồng là 1.630.650.000 đồng, để nhận 05 ô đất hình thành trong tương lai tại dự án hạ tầng khu đô thị mới Ao Tiên. Trong đó, NLQ1 đã nộp 175.000.000 đồng, NLQ2 đã nộp 300.000.000 đồng. Do không có nhu cầu sử dụng nữa, nên ngày 19/10/2017, NLQ1, NLQ2 thỏa thuận với Công ty Q chấm dứt hợp đồng. NLQ1, NLQ2 đã tự nguyện trả lại đất, còn Công ty Q trả cho NLQ1, NLQ2 tổng số tiền 1.400.000.000 đồng, trong đó tiền góp vốn là 475.000.000 đồng, tiền hỗ trợ là 925.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù nguyên đơn, bị đơn không cung cấp được bản gốc cũng như bản sao của 03 hợp đồng góp vốn nêu trên, nhưng các đương sự đều thừa nhận việc ký kết các hợp đồng. Hơn nữa, ngày 19/10/2017, các bên đã thanh lý hợp đồng thể hiện bằng giấy biên nhận và phiếu chi (BL số 107, 108). Do đó, có thể xác định việc ký kết 03 hợp đồng góp vốn đầu tư số 25, 26 và 27 giữa NLQ1, NLQ2 với Công ty Q là có thực. Khi ký kết các hợp đồng, bên góp vốn đầu tư chỉ có NLQ1, NLQ2 tham gia, bản thân NLQ1, NLQ2 có đầy đủ năng lực hành vi dân

sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, dựa trên sự tự nguyện của các bên, nên các hợp đồng có hiệu lực. Việc chấm dứt các hợp đồng này cũng do cá nhân NLQ1, NLQ2 tự nguyện thỏa thuận với Công ty Q, NLQ1, NLQ2 đã trả lại đất, còn phía Công ty đã thanh toán đầy đủ tiền góp vốn cũng như tiền hỗ trợ cho NLQ1, NLQ2. Như vậy, các hợp đồng góp vốn trên đã chấm dứt theo quy định tại khoản 2 Điều 422 Bộ luật Dân sự.

Ông H, bà H1 cho rằng các hợp đồng góp vốn trên ký trong thời kỳ hôn nhân, đối tượng của hợp đồng là bất động sản, nguồn tiền NLQ1, NLQ2 sử dụng để nộp cho Công ty Q là tiền chung của vợ chồng các ông bà, nên việc thanh lý, chấm dứt hợp đồng chỉ có NLQ1, NLQ2 ký với Công ty Q là không đúng. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên các hợp đồng góp vốn và biên bản thanh lý hợp đồng đều ký giữa cá nhân NLQ1, NLQ2 với Công ty Q. Ông H, bà H1 không tham gia ký kết cũng như việc thanh lý hợp đồng. Các thỏa thuận tại hợp đồng góp vốn và biên bản thanh lý giữa NLQ1, NLQ2 với Công ty Q phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, ngày 19/10/2017, bà H1 còn là người đi cùng NLQ1, NLQ2 đến Công ty Q để NLQ1, NLQ2 vào làm thủ tục thanh lý hợp đồng với Công ty. Sau đó, trên xe ô tô NLQ1 và NLQ2 đã chia nhau số tiền góp vốn và tiền hỗ trợ mà Công ty Q đã trả (BL số 50). Như vậy, không thể nói là bà H1 không biết việc NLQ1 thanh lý hợp đồng với Công ty Q. Còn ông H cho rằng tiền NLQ2 nộp cho Công ty Q là tiền vợ chồng ông bà cùng đi vay. Nhưng qua tài liệu và lời khai của ông H cho thấy số tiền vợ chồng ông H vay ngân hàng là 200.000.000 đồng và vay của người quen là 430.000.000 đồng không khớp với số tiền NLQ2 nộp cho Công ty Q là 300.000.000 đồng (BL số 40). Hơn nữa, sau khi nhận lại số tiền góp vốn và hỗ trợ, một phần NLQ2 sử dụng để trả nợ, phần còn lại chủ yếu để chi tiêu cho gia đình như đóng tiền học cho con, trả tiền viện phí cho ông H.

Từ những phân tích trên cho thấy việc ông H, bà H1 yêu cầu Công ty Q phải bàn giao đất cho ông bà theo cam kết của tại các hợp đồng góp vốn cũng như quan điểm của NLQ1, NLQ2 về việc hủy giấy biên nhận thanh lý hợp đồng là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông H, bà H1; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**[3] Về án phí:** Kháng cáo của ông H và bà H1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà H1 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Phúc H và bà Trần Thị H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 422 Bộ luật Dân sự; Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Phúc H và bà Trần Thị H1 về việc buộc Công ty TNHH MTV du lịch Q bàn giao đất theo hợp đồng góp vốn số 25/HĐGV-MQ ngày 15/01/2008, số 26/HĐGV-MQ và số 27/HĐGV-MQ ngày 15/01/2008 ký giữa NLQ1, NLQ2 với Xí nghiệp hợp lực Q – Quảng Ninh (nay là Công ty TNHH MTV du lịch Q).

2. Về án phí:

Ông Trương Phúc H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002012 ngày 16/9/2019 và số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002104 ngày 03/4/2020 đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; Trả lại ông Trương Phúc H số tiền 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Trần Thị H1 số tiền 4.375.000đ (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002013 ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND, THA huyện Đ;
- VP; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Trí Chinh**